

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-ST
Ngày: 21 – 6 – 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hiếu;
Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư-Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp Hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2023/QĐST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh ngày 01/01/1965 và ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1964, cùng địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Thành H1) và bà Phan Thị Mộng T1, cùng địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Văn T thống nhất trình bày:*

Vợ chồng ông, bà làm chủ hui, ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Mộng T1 là hui viên, có tham gia 02 chung hui do vợ chồng ông, bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi ba tháng khui 01 lần, 5.000.000 đồng, mở ngày 19/8/2019 âm lịch, có 15 phần, mãn vụ tháng 01/2023 âm lịch, ông H và bà T1 tham gia 02 phần:

Phần 1: Ông H và bà T1 đóng hụi sống được 01 lần, đến lần thứ 2 thì ông H, bà T1 ra lời 2.100.000 đồng, hốt được số tiền 42.700.000 đồng. Sau đó ông H, bà T1 có đóng hụi chết cho ông, bà được 03 lần đến tháng 7/2020 âm lịch, từ tháng 10/2020 âm lịch thì ông H và bà T1 không đóng hụi chết nữa.

Phần 2: Ông H và bà T1 đóng hụi sống được 04 lần = 20.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 12/2020, ông, bà có yêu cầu Tổ Hòa giải ấp K, xã Đ hòa giải, ngày 17/01/2021 tại Tổ hòa giải, hai bên có thống nhất với nhau: Dây hụi 03 tháng khui 01 lần, 5.000.000 đồng, sau khi trừ cần qua lại giữa phần hụi đã hốt và phần hụi còn sống, thì ông H còn nợ ông, bà 06 lần hụi chết (từ ngày 27/10/2021 âm lịch đến tháng 01/2023 âm lịch) = 30.000.000 đồng. Tính đến nay, ông H và bà T1 không đóng hụi chết cho ông, bà 02 lần (vụ tháng 10/2021 âm lịch và vụ tháng 01/2022 âm lịch). Ông, bà phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho ông H và bà T1 là 10.000.000 đồng (đã khởi kiện và giải quyết phần này xong, theo Bản án số 108, ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách). Dây hụi này còn 04 lần khui nữa mới mãn. Từ ngày 19/4/2022 đến ngày 19/01/2023 âm lịch (mãn hụi), thì ông H và bà T1 không đóng hụi chết cho ông, bà 04 lần=20.000.000 đồng, ông, bà phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay, như vậy ông H và bà T1 còn nợ 20.000.000 đồng.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Mộng T1 trả số tiền nợ hụi còn thiếu là 20.000.000 đồng.

**Theo Biên bản hòa giải ngày 27/3/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành H2 trình bày:*

Ông thừa nhận có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, khui lần đầu từ ngày 19/8/2019 âm lịch, dây hụi này ông tham gia 02 phần, đã hốt hết 01 phần, còn lại một phần sống. Tại buổi hòa giải ở Ban N, xã Đ, ông có thỏa thuận cần trừ hụi sống qua hụi chết, khi đó hai bên chốt lại, ông còn nợ bao nhiêu lần hụi chết chưa đóng thì ông không nhớ.

Dây hụi này chỉ có ông tham gia, bà T1 không biết việc ông tham gia dây hụi này, đến khi ông hốt hụi, chủ hụi là ông T, bà S mang tiền đến chung cho ông thì bà T1 mới biết. Số tiền ông hốt hụi, ông dùng để tiêu xài cho các chi phí sinh hoạt trong gia đình. Dây hụi này, trước đây ông T và bà S có khởi kiện ông tại Tòa án yêu cầu ông trả số tiền hụi chết 02 lần là 10.000.000 đồng mà ông, bà đã đóng thay, tuy nhiên cho đến nay ông vẫn chưa trả hết số tiền này do chưa hết thời hạn trả.

Nay ông T, bà S khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền hụi chết 04 lần của dây hụi này là 20.000.000 đồng, ông cũng đồng ý, tuy nhiên hiện nay ông đang gặp khó khăn về kinh tế, vợ ông đang bị bệnh nặng, do đó ông đề nghị trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi hết số nợ 20.000.000 đồng. Số nợ này là nợ

của riêng ông, do ông trực tiếp tham gia chơi hụi, không có liên quan gì đến vợ ông, bà Phan Thị Mộng T1.

**Bị đơn bà Phan Thị Mộng T1 vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Văn T.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị Mộng T1 và ông Nguyễn Thành H2, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, ông H2.

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, theo dây hụi mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Ông H2 cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi và còn nợ lại nguyên đơn 20.000.000 đồng theo như lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng ông H2 cho rằng vợ ông, bà Phan Thị Mộng T1, không biết việc này. Nhưng đến khi ông hốt hụi, nguyên đơn mang tiền đến chung thì bà T1 mới biết. Số tiền ông hốt hụi, ông dùng để tiêu xài cho các chi phí sinh hoạt trong gia đình.

[4] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Hộ, hụi, biếu, phùng: *“Hộ, hụi, biếu, phùng (sau đây gọi chung là hộ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hộ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*.

[5] Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST, ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã có hiệu lực pháp luật, tuyên

xử buộc vợ chồng ông H2, bà T1 phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 10.000.000 đồng cho ông T, bà S.

[6] Như vậy, có căn cứ xác định, nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hụi với nhau, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 20.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần số tiền hụi mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bị đơn.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bị đơn phải chịu phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Văn T, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H (Thành Hưởng) và bà Phan Thị Mộng T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S, ông T số tiền nợ hụi 20.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà S, ông T không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006256, ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc vợ chồng ông H, bà T1 phải liên đới chịu 1.000.000 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh T2